

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2020

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Quách Văn T; sinh năm: 1983

HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Thẩm:**

Bà Lê Thị Lý – Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa – Chi nhánh số 08. Có mặt

**- Bị đơn:** Chị Mai Thị L; sinh năm: 1985.

HKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Ng, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Quách Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2004 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Bảo L, sinh ngày 26/6/2004 và Quách Mai T, sinh ngày 06/6/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2020, chị Mai Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2004 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, vợ chồng không được hạnh phúc. Hiện tại, chị và anh T đã sống ly thân đến nay được hơn 01 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Quách Bảo L, sinh ngày 16/6/2004 và Quách Mai T, sinh ngày 06/6/2011. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với bố nên chị đề nghị giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà Lê Thị Lý:

Về hôn nhân: Xét thấy anh Quách Văn T và chị Mai Thị L mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho anh T và chị L được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Quách Bảo L, sinh ngày 16/6/2004 và Quách Mai T, sinh ngày 06/6/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn tiền án phí cho anh Quách Văn T.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); anh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của

mình theo quy định của pháp luật, chị L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Quách Văn T được ly hôn chị Mai Thị L. Về con chung: Giao cháu Quách Bảo L, sinh ngày 16/6/2004 và Quách Mai T, sinh ngày 06/6/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Mai Thị L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị L theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị L đã được thông báo họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị L.

[5]. Về hôn nhân: Anh Quách Văn T và chị Mai Thị L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2004 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Việc này, cả anh T và chị L đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, đồng thời cũng hoàn toàn phù hợp với những gì mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Hiện tại cả anh T và chị L đều yêu cầu được ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T và chị L được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Ly hôn, cả anh T và chị L đều yêu cầu được giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải

cấp dưỡng cùng anh T. Hiện tại, cả hai cháu đang ở với bố và đều có nguyện vọng được ở với bố. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T và chị L, giao hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

[7]. Về tài sản: Anh T và chị L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017), anh T có đơn xin miễn tiền án phí, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T cũng đề nghị miễn tiền án phí cho anh T, nghĩ nên chấp nhận đề nghị này.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Quách Văn T và chị Mai Thị L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Bảo L, sinh ngày 16/6/2004 và Quách Mai T, sinh ngày 06/6/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị L có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí DSST cho anh Quách Văn T.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh T, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T, vắng mặt chị L. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**